

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày: 27/02/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc L - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Tân
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh G, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PMT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: ông Võ Khắc T, sinh năm: 1952 (Liệt sĩ), mẹ: bà Lê Thị C, sinh năm 1949; Vợ: Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 1986 (Đã ly hôn); Con: Nguyễn Trọng Ph, sinh năm: 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ 09/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trần Văn Nh, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp TB 1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

- Chung Kim N, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

- Chung Thiệt L, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

** Người chứng kiến:*

- Lê Thành Đ, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: ấp MĐ, xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 22 giờ 10 phút ngày 09/11/2019, Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bến Tre kết hợp với Công an xã Mỹ Thành, thành phố Bến Tre tuần tra trên tuyến đường Võ Nguyên Giáp. Khi đến đoạn thuộc ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, thành phố Bến Tre thì phát hiện Nguyễn Huỳnh G đang điều khiển xe mô tô biển số 71B1-138.18 có biển hiện nghi vấn nên yêu cầu G dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện G đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành L biên bản sự việc, thu giữ tang vật và bàn G cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nylon màu trắng hàn kín bốn phía, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy và 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, trên miệng túi có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký, ghi tên của Nguyễn Huỳnh G, Lê Thanh Đ, Phan Nghĩa Th, Hoàng Quốc H và dấu tròn màu đỏ của Công an xã Mỹ Thành, thành phố Bến Tre).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 71B1-138.18; số máy: C12E-2860875, số khung: 1207BY060827.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352877107634789, số CODE: 0592166, bên trong có 01 thẻ sim Viettel, không xác định được số.

- 01 cây kéo.

- Tiền Việt Nam: 1.300.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 141/2019/GĐMT ngày 19/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 0,8894 gam.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSTPBT ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã G trả cho Chung Kim N 01 xe mô tô biển số 71B1-138.18.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong số 141/2019, bên trong có chứa ma túy sau giám định là 0,8569 gam, Methamphetamine; 01 cây kéo.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352877107634789, số CODE: 0592166, bên trong có 01 thẻ sim Viettel, không xác định được số.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh G số tiền 1.300.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh G khai nhận hành vào khoảng 21 giờ ngày 09/11/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 71B1-138.18 (mượn của anh Trần Văn Nh) đến khu vực cầu Rạch Miễu thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để mua ma túy của đối tượng tên CR với giá 400.000 đồng. Bị cáo cất giấu trong túi áo khoác mặc trên người mục đích để sử dụng. Khi điều khiển xe chạy về đến khu vực ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, thành phố Bến Tre thì bị lực lượng Công an bắt, L biên bản cùng tang vật. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến bị cáo không có ý kiến gì, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến. Xét việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến là phù hợp.

[2] Bị cáo G có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 09/11/2019, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo G đã có hành vi cất giấu trái phép 0,8894 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng.

[3] Bị cáo G là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm

đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo G không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên xem xét quá trình hoạt động bản thân của bị cáo đã bị kết án về tội “trộm cắp tài sản”, bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên cần cân nhắc trong quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo G được hưởng là “Thành khẩn khai báo”, “Bị cáo có cha là liệt sĩ”, “Bị cáo đang bị bệnh AIDS giai đoạn cuối” và “Đầu thú” theo quy định tại các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo G về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì chứa ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 cây kéo bằng kim loại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã G trả cho Chung Kim N 01 xe mô tô biển số 71B1-138.18.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352877107634789, số CODE: 0592166, bên trong có 01 thẻ sim Viettel, không xác định được số, bị cáo dùng liên lạc mua ma túy sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 1.300.000 đồng do đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

[9] Bị cáo Nguyễn Huỳnh G khai đối tượng tên CR bán ma túy cho bị cáo nhưng chưa rõ địa chỉ tên họ nên chưa tiến hành làm việc được. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh xử lý đối tượng tên CR theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo G phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Huỳnh G 01 (Một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì được niêm phong số 141/2019, bên trong có chứa ma túy sau giám định là 0,8569 gam, Methamphetamine; 01 (một) cây kéo bằng kim loại;

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã G trả cho Chung Kim N 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-138.18.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352877107634789, số CODE: 0592166, bên trong có 01 (một) thẻ sim Viettel, không xác định được số.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh G số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng.

(Theo biên bản G nhận vật chứng ngày 21/01/2020 hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Huỳnh G phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Nh, Chung Kim N, Chung Thiết L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã PMT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, người có QLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình